

Bản án số:360/2017/DS - ST

Ngày: 25/8/2017

V/v Tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Long Giao.

2. Bà Trần Thị Bảo Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2015/TLST-DS ngày 23/03/2015 về “Tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST-DS ngày 05/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số:73/QĐST-DS ngày 05/7/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 98/2017/QĐST-DS ngày 04/8/2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1942 (Đã chết vào ngày 06/03/2017 theo giấy chứng tử số 17/2017 ngày 06/3/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà Nguyễn Thị H gồm:

Ông Nguyễn Thành T, sinh năm:1973 (Đã chết vào ngày 08/8/2017 theo giấy chứng tử số 623 ngày 10/8/2017).

Bà Nguyễn Thị Xuân T1, sinh năm: 1978.

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1966.

Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1964.

Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1981.

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: D25/36D tổ 52 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N có ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1974 (Có mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2017 lập tại Văn phòng công chứng V.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1944.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1946.

4. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1948.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1954.

Cùng địa chỉ: 231/105 Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L, ông B, bà N2, bà T2 có ông Dương Mạnh H1, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Theo giấy ủy quyền ngày 26/06/2015.

Địa chỉ: 148 Đề Thám, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1956

Địa chỉ: 231A/102 Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Theo giấy ủy quyền ngày 20/07/2015.

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

2. Bà Đinh Thị Minh A, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 10B Thái Văn Lung, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1129 Trần Hưng Đạo, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm: 1957

Địa chỉ: 231A/2A Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Theo giấy ủy quyền ngày 20/07/2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/03/2015 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa của các nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2 có người đại diện theo ủy quyền ông Dương Mạnh H1 và ông Nguyễn Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh

N cùng trình bày: ông Nguyễn Văn Thanh, sinh năm:1912 (Chết 1996), bà Trần Thị Quang, sinh năm:1919 (Chết 2002). Lúc sinh thời ông Thanh, bà Quang có 8 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4. Ông Thanh, bà Quang tạo lập được phần diện tích đất 9.246m2 thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00377QSDĐ/382 QĐ-01/2001 ngày 13/06/2001 đứng tên ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang. Khi ông Thanh, bà Quang chết không để lại di chúc thì tất cả các ông, bà gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 là đồng thừa kế phần diện tích đất 9.246m2. Sau đó các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 thống nhất ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tấn P được thay mặt làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nhận tiền chuyển nhượng rồi chia lại các đồng thừa kế theo giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 lập tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B. Sau khi lập giấy ủy quyền ông P tự chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất 9.246m2 cho bà Nguyễn Thị Thu T3 với số tiền 6.512.170.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001. Thực hiện hợp đồng bà T3 chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân Hàng Vbank ngày 21/02/2008) và ngày 26/11/2008 bà T3 chuyển tiếp cho ông P số tiền 2.000.000.000 đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Tổng cộng số tiền ông P đã nhận số tiền 6.512.170.000 đồng. Như vậy ông P phải chia các đồng thừa kế gồm 8 người thì mỗi người được hưởng số tiền 814.021.250 đồng nhưng ông P chỉ chia mỗi người số tiền 400.000.000 đồng, phần còn lại mỗi người được hưởng số tiền 414.000.000 đồng, ông P không chia tiếp cho các đồng thừa kế. Do không thỏa thuận được các nguyên đơn khởi kiện ông P yêu cầu ông P chia tài sản chung giao tiếp cho các nguyên đơn mỗi người được hưởng số tiền 414.000.000 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn P có người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H trình bày: xác định về mối quan hệ gia đình và phần diện tích đất 9.246m2 thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha, mẹ ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang như lời trình bày phía nguyên đơn là đúng. Nhưng ông P cho rằng phần đất này nằm trong dự án giải tỏa và sau khi ông Thanh, bà Quang chết thì đến ngày 06/03/2008 Ủy ban nhân dân Quận 7 đã ban hành Quyết định số 32 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tái định cư đối với các đồng thừa kế của hộ bà Trần Thị Quang phần diện tích đất 9.246m2 thuộc thửa 109,113,117 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường Tân

Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 thỏa thuận đền bù cho các đồng thừa kế hộ bà Trần Thị Quang số tiền 2.815.975.070 đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Quang để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7. Ngày 29/6/2009 Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Quang để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7. Cùng biên bản bàn giao mặt bằng số 05/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014, biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014. Đến ngày 19/12/2014 các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Bến Nghé cho ông P được nhận quyền thừa kế mà mình được hưởng và đồng ý nhận toàn bộ quyền thừa kế do những đồng thừa kế tặng cho đối với di sản thừa kế là số tiền 2.815.975.070 đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển do ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang chết để lại nhưng ông P cũng đã chia cho các đồng thừa kế mỗi người số tiền 400.000.000 đồng. Đối với 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển, thì các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia di sản cho ông P nên ông P được toàn quyền chuyển nhượng 02 nền đất trên cho bà Nguyễn Thị Thu T3 với số tiền 4.512.170.000 đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008). Hiện bà T3 đã nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển và hai bên cũng không có tranh chấp gì trong vụ án.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn khởi kiện ông P căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 là ông P đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất 9.246m² cho bà Đinh Thị Minh Anh với số tiền 6.512.170.000 và ông P đã nhận số tiền 4.512.170.000 đồng (kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và số tiền 2.000.000.000 đồng (kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Thì ông P không thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 là hợp pháp với lý do như bên chuyển nhượng ghi bà Trần Thị Quang, ông Nguyễn Tấn P và bên mua ghi bà Đinh Thị Minh A thì hợp đồng này chỉ được lập bằng giấy tay không có công chứng và bên chuyển nhượng bà Trần Thị Quang cũng không ký tên trong hợp đồng. Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 thì bà Anh,

sinh năm 1984 mới 16 tuổi theo quy định pháp luật về Luật đất đai và Bộ luật dân sự quy định đối với giao dịch về bất động sản người thì người chưa thành niên khi giao dịch bắt buộc phải có người đại diện tham gia. Ngoài ra hợp đồng được ký ngày 20/7/2001 nhưng bà Anh trình bày do đánh máy nhầm thực chất hợp đồng được ký ngày 20/7/2011 là cũng không phù hợp với chứng cứ trong vụ án. Hợp đồng ghi nhận chuyển nhượng thửa đất số 117,113,109 tờ bản đồ số 4 diện tích 2,685m², 3,359m², 3,202m² với số tiền 6.512.170.000 đồng nhưng các bên cũng không chứng minh được có việc giao nhận tiền và ông P không thừa nhận số tiền 2.000.000.000 đồng là tài sản chung. Do đó từ những phân tích trên ông P đề nghị bác yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung phía nguyên đơn đồng thời hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2015 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBD ngày 02/12/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị N3 có ông Phan Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất lời trình bày ông P. Bà N3 không đồng ý chia tài sản chung của số tiền 6.512.170.000 đồng

Theo bản tự khai ngày 27/07/2015 và đơn yêu cầu độc lập ngày 30/07/2015 bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Thống nhất ý kiến với phía nguyên đơn. Bà Tố yêu cầu ông P đưa thêm số tiền được hưởng 414.000.000 đồng và bà Tố xin vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Theo bản tự khai ngày 02/07/2015 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/07/2015 bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày: phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Thanh, sinh năm:1912 (Chết 1996), bà Trần Thị Quang, sinh năm:1919 (Chết năm 2002). Lúc sinh thời ông, bà có 8 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4. Sau khi ông Thanh, bà Quang chết thì các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 có lập giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B với nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn P được thay mặt làm thủ tục chuyển quyền chuyển quyền sử dụng đất và nhận số tiền chuyển nhượng về chia lại cho các đồng thừa kế. Căn cứ vào nội dung ủy quyền ông P đã chuyển nhượng phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 với giá số tiền 6.512.170.000 đồng. Sau đó phần diện tích đất trên đã được đền bù thì bà T3 cũng đã nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển. Bà T3 thừa nhận đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 đồng vào đợt 01 (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và đợt 02 số tiền

2.000.000.000 đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008) và ông P cũng đã nhận đủ tiền. Do đó việc tranh chấp tài sản chung giữa các bên không liên quan nên bà T3 xin được vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Theo bản tự khai ngày 31/07/2015 và đơn xin vắng mặt ngày 31/07/2015 bà Đinh Thị Minh A trình bày: Ngày 20/07/2011 Bà Minh A thay mặt mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Thu T3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng với ông P. Bà Minh A thừa nhận hợp đồng có sai sót do lỗi đánh máy nên hợp đồng ghi nhầm ngày 20/07/2001 nhưng thực chất hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng với mục đích xác nhận ông P đã nhận đủ số tiền 6.512.170.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu T3 và bà T3 đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vcombank ngày 21/02/2008) và số tiền 2.000.000.000 đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Nay bà Minh A xác nhận mọi giao dịch chuyển nhượng đất và nhận tiền là giữa ông P và bà T3. Do đó việc tranh chấp tài sản chung giữa các bên không liên quan nên bà Minh Anh xin được vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật T4 tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Về nội dung vụ án: Ông Thanh, bà Quang chết có để lại di sản thừa kế diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7. Vào năm 2008 các đồng thừa kế đã có văn bản ủy quyền cho ông P thay mặt các đồng thừa kế chuyển nhượng phần diện tích đất trên cho bà T3 và ông P đã nhận đủ số tiền 6.512.170.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục T4 tụng:

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T3, bà Đinh Thị Minh A, bà Nguyễn Thị T4 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8, vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ, lời trình bày các đương sự có đủ cơ sở xác định phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc quyền sở hữu ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00377QSDĐ/382 QĐ-01/2001 ngày 13/06/2001 đứng tên ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang.

Sau khi ông Thanh, bà Quang chết. Ngày 29/02/2008 các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 đều thống nhất ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tấn P thay mặt tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nhận tiền chuyển nhượng rồi chia lại các đồng thừa kế theo giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 lập tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B.

Đến ngày 06/03/2008 Ủy ban nhân dân Quận 7 có ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7 cho các đồng thừa kế của hộ ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Quang gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4.

Ngày 29/4/2008 Ủy ban nhân dân Quận 7 tiến hành thỏa thuận đền bù cho các đồng thừa kế hộ bà Trần Thị Quang phần diện tích đất 9.246m² với số tiền 2.815.975.070 đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển. Theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7.

Ngày 29/6/2009 Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành tiếp Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định số 56/ QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của hộ bà Trần Thị Quang để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7. Cùng biên bản bàn giao mặt bằng số 05/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014. Biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT

Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014. Ông P đã căn cứ vào giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 lập tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B tự chuyển nhượng phần diện tích đất 9246 mét vuông cho bà T3 với số tiền 6.512.170.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001. Sau đó phần diện tích đất trên đã được đền bù là 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển cho bà Nguyễn Thị Thu T3. Bà T3 thừa nhận đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 đồng (Kèm theo bản sao kê ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và số tiền 2.000.000.000 đồng (Kèm theo séc của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Tổng cộng số tiền ông P đã nhận số tiền 6.512.170.000 đồng, thì số tiền này là tài sản chung của di sản thừa kế là có căn cứ pháp luật phù hợp các Điều 214, Điều 215, Điều 223, Điều 224, Điều 634, Điều 635, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001. Tuy có những sai sót như hợp đồng được lập bằng giấy tay, không có công chứng, bên chuyển nhượng bà Trần Thị Quang không ký tên trong hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 bà Đinh Thị Minh Anh, sinh năm 1984 mới 16 tuổi, hợp đồng ký ngày 20/7/2001 là không phù hợp. Tuy hợp đồng trên có những sai sót nhưng thực chất hợp đồng này là nhằm xác định ông P có chuyển nhượng cho bà T3 phần diện tích đất 9.246m² và ông P đã nhận đủ số tiền 6.512.170.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Do bà T3, ông P không tranh chấp gì đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 trong vụ án này nên hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của các nguyên đơn gồm bà Láng, ông Bổng, bà Nàng, bà To và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà Huyền gồm bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu ông P chia tài sản chung của số tiền 6.512.170.000 đồng thì như phân tích trên thì số tiền này là tài sản chung của di sản thừa kế. Do đó cần phải chia cho các đồng thừa kế gồm 8 người thì mỗi người được hưởng 1/8 kỳ phần tương ứng với số tiền là 814.021.250 đồng. Do ông P chỉ đưa mỗi người số tiền 400.000.000 đồng và số tiền còn lại mỗi người được hưởng số tiền 414.000.000 đồng nên cần buộc ông P giao tiếp cho bà Láng, ông Bổng, bà Nàng, bà To mỗi người được nhận số tiền 414.000.000 đồng. Riêng bà H đã chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà H gồm: bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1 được nhận số tiền 414.000.000 đồng.

Xét ý kiến bị đơn ông Nguyễn Tấn P xác định về mối quan hệ gia đình và phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha, mẹ ông Nguyễn

Văn Thanh, bà Trần Thị Quang như lời trình bày phía nguyên đơn là đúng. Nhưng ông P cho rằng phần đất này nằm trong dự án giải tỏa và khi ông Thanh, bà Quang chết thì ngày 06/03/2008 Ủy ban nhân dân Quận 7 đã ban hành quyết định số 32 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tái định cư đối với các đồng thừa kế của hộ bà Trần Thị Quang phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 thỏa thuận đền bù cho các đồng thừa kế hộ bà Trần Thị Quang số tiền 2.815.975.070 đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển. Theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Quang để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7. Đến ngày 29/6/2009 Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Quang để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường Tân Phong, Quận 7. Cùng Biên bản bàn giao mặt bằng số 05/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014, biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014 thì lời trình bày phù hợp pháp luật.

Đối với ý kiến ông P cho rằng các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 19/12/2014 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé cho ông P được nhận quyền thừa kế mà mình được hưởng và đồng ý nhận toàn bộ quyền thừa kế do những đồng thừa kế tặng cho đối với di sản là số tiền 2.815.975.070 đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển thì ông P đã chia lại cho các đồng thừa kế mỗi người số tiền là 400.000.000 đồng. Riêng 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển, ông P tự định đoạt thì như phân tích trên lời trình bày không phù hợp vì thực chất ông P và bà T3 đã giao dịch bán phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7 là di sản thừa kế từ thời điểm năm 2008. Do đó văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 19/12/2014 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé chỉ để bà T3 tiến hành làm thủ tục nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển. Theo Biên bản bàn giao mặt bằng số 05/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014, biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Quận 7 ngày 24/9/2014. Do đó yêu cầu ông P đề nghị bác yêu cầu chia tài sản chung phía nguyên đơn và đồng thời hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày

10/12/2015, Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBD ngày 02/12/2015 là không có căn cứ chấp nhận.

Do ông P không yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 6.512.170.000 đồng nhưng ông P vẫn là hàng thừa kế của ông Thanh, bà Quang nên ông P được hưởng 1/8 kỷ phần tương ứng với số tiền 818.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét ý kiến bà Nguyễn Thị N3 trình bày thống nhất với lời trình bày ông P không đồng ý chia tài sản chung số tiền 6.512.170.000 đồng thì như phân tích ý kiến này không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà N3 là hàng thừa kế của ông Thanh, bà Quang nên được hưởng 1/8 kỷ phần tương ứng với số tiền 818.000.000 đồng.

Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Thống nhất ý kiến phía nguyên đơn yêu cầu ông P chia tiếp số tiền được hưởng 414.000.000 đồng và bà Tố xin vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại thì như phân tích trên là có căn cứ. Ngoài ra, bà T4 vẫn là hàng thừa kế của ông Thanh, bà Quang nên được hưởng 1/8 kỷ phần tương ứng với số tiền là 818.000.000 đồng. Nhưng ông P chỉ đưa cho bà T4 số tiền 400.000.000 đồng. Do đó cần buộc ông P giao tiếp cho bà T4 số tiền được hưởng 414.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Xét ý kiến bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày: phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Thanh, sinh năm:1912 (Chết 1996), bà Trần Thị Quang, sinh năm:1919 (Chết năm 2002). Lúc sinh thời ông, bà có 8 người con gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4. Khi ông Thanh, bà Quang chết thì các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 có lập giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B. Với nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn P được thay mặt làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nhận số tiền chuyển nhượng về chia lại cho các đồng thừa kế. Căn cứ vào nội dung ủy quyền ông P đã chuyển nhượng phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 với giá 6.512.170.000 đồng. Sau đó phần diện tích đất trên đã được đền bù và bà T3 đã nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển từ di sản thừa kế phần diện tích đất 9.246m². Đồng thời bà T3 đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 đồng vào đợt 01 (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và đợt 02 số tiền 2.000.000.000 đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008) thì như đã phân tích trên lời trình bày này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Xét ý kiến bà Đinh Thị Minh A trình bày: Bà Minh A thay mặt mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Thu T3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 với ông P (lập bằng giấy tay). Tuy hợp đồng có sai sót do lỗi đánh máy nên ghi nhầm ngày 20/07/2001 nhưng thực chất hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng được lập ngày 20/7/2011. Hợp đồng này được lập nhằm xác nhận ông P đã nhận đủ số tiền 6.512.170.000 của bà Nguyễn Thị Thu T3 và ông P có chuyển nhượng 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển cho bà T3 thì như đã phân tích trên lời trình bày này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8. Xét thấy là cần thiết để đảm bảo thi hành án nên tiếp tục duy trì cho đến khi thi hành xong bản án thì hủy bỏ.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị T2 được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 1702205200794 của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi Nhánh 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 925 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBD ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 214, Điều 215, Điều 216, Điều 223, Điều 224, Điều 634, Điều 635, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/07/2009;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực ngày vào ngày 01/01/2017.

1. Tuyên xử : vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Thu T3, bà Đinh Thị Minh A.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà Huyền gồm bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T4.

Công nhận phần diện tích đất 9.246m² thuộc thửa 109,113,117 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Thanh và bà Trần Thị Quang. Tài sản chung có giá trị số tiền 6.512.170.000 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Thanh và bà Trần Thị Quang gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị T4 được chia tài sản chung và mỗi người được hưởng 1/8 kỷ phần, giá trị mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền 818.000.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T4 mỗi người đã nhận số tiền 400.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã nhận 2.400.000.000 đồng.

Xác định giá trị còn lại số tiền là 4.112.170. 000 đồng được phân chia như sau:

Bà Nguyễn Thị L được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn B được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N2 được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T2 được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H có người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng gồm bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1 liên đới được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T4 được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N3 được hưởng số tiền 818.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tấn P được hưởng số tiền 818.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho bà L số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho ông B số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho bà N2 số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho bà T2 số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà Huyền gồm bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1 liên đới được nhận số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho bà T4 số tiền 414.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao tiếp cho bà Nguyễn Thị N3 số tiền 818.000.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 để đảm bảo thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án thì hủy bỏ.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị T2 được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 1702205200794 của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi Nhánh 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 925 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBD ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn P phải chịu số tiền 36.540.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị N3 phải chịu số tiền 36.540.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T2 mỗi người phải chịu số tiền 20.560.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn B phải chịu số tiền 20.560.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.121.7000 đồng theo biên lai thu số 04432 ngày 20/3/2015. Hoàn lại cho ông B số tiền 28.561.700 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ T4 tụng của bà Huyền gồm bà Nguyễn Thị Xuân T1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Nguyễn Văn N1 phải liên đới chịu số tiền 20.560.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị T4 phải chịu án số tiền 20.560.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.280.000 đồng theo biên lai thu số 0000010 ngày 03/08/2015. Bà Tố còn phải nộp thêm số tiền 10.280.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự ; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, riêng đương sự vắng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

